

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày 01-3-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Bùi Thị Hà

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trương Văn G; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị O; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2023 và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trương Văn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Phạm Thị O trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 8 năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng

không có sự tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau và mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên ông và bà Oanh đã sống ly thân, không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị O.

Về con chung: Ông và bà Oanh có hai con chung là Trương Thị C, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2000 và Trương Quý Đ, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2011. Ly hôn ông đề nghị Tòa án giao con chung Trương Quý Đ cho ông nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Trương Thị C đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung: Ông Trương Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày 27 tháng 02 năm 2024 và tại phiên tòa bà Phạm Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng đến ngày 25/8/2003 bà và ông G mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Bà và ông G kết hôn do tự nguyện, thời gian đầu vợ chồng ở tại gia đình bà tại xã Đại Bản đến khoảng năm 2003 thì chuyển về thôn D, xã L ở. Vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông G có quan hệ với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng thay đổi và dẫn đến mâu thuẫn. Bà và ông G tuy sống chung một nhà nhưng đã sống ly thân không ai còn quan tâm và có trách nhiệm với ai. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục được nên bà đồng ý ly hôn với ông G và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông G được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông G có hai con chung như ông G trình bày. Ly hôn bà có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Trương Quý Đ cho bà nuôi dưỡng. Vì bà có điều kiện kinh tế và thời gian để chăm sóc con chung, ông G làm lái xe thường xuyên vắng nhà không có điều kiện chăm sóc con chung. Đối với con chung Trương Thị C đã trưởng thành và hiện nay có gia đình riêng nên tự quyết định của công của mình. Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83

của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trương Văn G được ly hôn bà Phạm Thị O. Về con chung: Giao con chung Trương Quý Đ, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2011 cho bà Phạm Thị O trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Ông Trương Văn G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trương Văn G khởi kiện ly hôn đối với bà Phạm Thị O, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Phạm Thị O hiện đang cư trú tại huyện An Dương, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Trương Văn G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn ông Trương Văn G.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự, tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, đủ cơ sở xác định: Ông Trương Văn G và bà Phạm Thị O kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 8 năm 2023, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau nên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của ông G và bà Oanh đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của ông Trương Văn G và bà Oanh là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Trương Văn G và bà Phạm Thị O có hai con chung là Trương Thị C, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2000 và Trương Quý Đ, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2011. Ông G và bà Oanh đều có quan điểm được nuôi con chung Trương Quý Đ. Xét, ông G và bà Oanh đều có điều kiện kinh tế ngang nhau, tuy nhiên ông G làm lái xe thường xuyên vắng nhà nên không có nhiều thời gian trực tiếp chăm sóc con chung, mặt khác con chung có nguyện vọng được ở với bà Oanh nên giao con chung Trương Quý Đ cho bà Oanh nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với con chung Trương Thị C đã trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống của mình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trương Văn G và bà Phạm Thị O đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Ông Trương Văn G và bà Phạm Thị O đều có quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Trương Văn G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn G được ly hôn bà Phạm Thị O.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Quý Đ, sinh ngày 08 tháng 3 năm 2011 cho bà Phạm Thị O trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Ông Trương Văn G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Trương Văn G đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005249 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

6. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Đương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương,
T.P Hải Phòng;
- UBND xã L;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Liên